

Bản án số: 05/2018/HS-ST
Ngày 15 tháng 01 năm 2018

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Chuyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1- Ông Trần Đình Tư

2- Bà Nguyễn Thị Vượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Tổng Lan Hương- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Dân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 183/2017/TLST-HS ngày 21 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 201/2017/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 12 năm 2017 đối với bị cáo: Đào Văn T, sinh năm 1971 (tại thành phố B). Nơi cư trú: Thôn S, xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Văn T (đã chết) và bà Lý Thị T; có vợ là Trần Thị L và 01 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ tạm giam từ ngày 14/8/2017 đến ngày 09/10/2017. Hiện tại ngoại, có mặt.

- Người bị hại: Anh Hoàng Văn Q, sinh năm 1994. Cư trú: Thôn C, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng: Chị Trần Thị L, sinh năm 1975. Cư trú: Thôn S, xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 11/8/2017, Đào Văn T sinh năm 1971 trú tại Thôn S, xã S, thành phố B và vợ là chị Trần Thị L, sinh năm 1975 cãi nhau và đuổi nhau ra đoạn đường dân sinh Thôn S, xã S, thành phố B. Khi đuổi theo chị L đến ngã ba giao cắt giữa đường gom dân sinh và đường vào Thôn S, xã S, thì qua ánh đèn đường, T nhìn thấy anh Hoàng Văn Q sinh năm 1994 trú tại Thôn C, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang đang nằm úp mặt xuống đường, gần vị trí anh Q nằm có

chiếc xe mô tô Honda-Wave, màu trắng, biển kiểm soát 98D1- 541.53 bị đồ. Thấy vậy, T đi đến chỗ anh Q hỏi có chuyện gì thì anh Q bảo bị ngã xe và nhờ T đỡ dậy. T thấy anh Q có biểu hiện say rượu nên đỡ anh Q dậy, lúc này chị L cũng quay lại chỗ anh Q bị ngã. T dựng xe mô tô lên và hỏi anh Q chìa khoá xe đâu thì anh Q bảo bị rơi và nhờ vợ chồng T tìm hộ. Trong khi tìm chìa khoá, chị L nhìn thấy 01 chiếc điện thoại di động Mobiistar màu đỏ đen của anh Q rơi gần đó. L đã nhặt chiếc điện thoại cất vào túi quần và không nói cho ai biết.

Sau đó T có hỏi xin anh Q 10.000 đồng, anh Q rút chiếc ví ra lấy tiền đưa cho T 50.000 đồng. T đưa số tiền đó cho L và bảo chị L đi về trước. Khi L chưa đi khỏi thì T quay lại thấy anh Q đang cầm ví trên tay trái chưa kịp cất và đang trong tư thế ngồi quỳ gối, tay phải chống xuống đất thì T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc ví của anh Q. T liền đi đến sát bên trái người anh Q dùng tay phải túm cổ tay trái anh Q, dùng tay trái giật lấy chiếc ví rồi nhanh chóng bỏ chạy về nhà. Anh Q đuổi theo một đoạn thì không thấy nên quay lại chỗ dựng xe và đi về nhà.

Sau khi chiếm đoạt được chiếc ví của anh Q, T kiểm tra trong ví có số tiền 2.830.000 đồng, 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Hoàng Văn Q. Số tiền trên, T đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết 1.910.000 đồng. Ngày 13/8/2017, T đưa cho chị L 800.000 đồng để chi tiêu cho gia đình. Khi đưa tiền, T không nói cho chị L nguồn gốc tiền do đâu mà có.

Đến ngày 14/8/2017, T đến Công an thành phố B đầu thú và giao nộp những đồ vật, tài sản gồm: Số tiền 120.000 đồng; 01 chiếc ví da màu nâu, loại gấp đôi, nhãn hiệu VIP do Trung Quốc sản xuất; 01 chứng minh nhân dân số 122225261 mang tên Hoàng Văn Q.

Cùng ngày 14/8/2017, chị Trần Thị L đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra những đồ vật tài sản gồm: 01 điện thoại di động Mobiistar màu đỏ đen, số imei 352201022272627 đã qua sử dụng (không còn sim); số tiền 700.000 đồng; số tiền 50.000 đồng do anh Q cho ngày 11/8/2017. Chị L khai số tiền 800.000 đồng do T đưa, chị L đã chi tiêu cho gia đình hết 100.000 đồng. Còn đối với 02 chiếc sim trong chiếc điện thoại Mobiistar, ngày 13/8/2017, L đã cho cháu họ là Trần Thị H, sinh năm 2003 ở thôn A, xã P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang để sử dụng. Quá trình cháu H sử dụng, anh Q gọi vào số sim điện thoại thì cháu P nghe máy và cháu P đã trả lại cho anh Q 02 chiếc sim nói trên.

Ngày 14/8/2017, anh Q trình báo Công an thành phố B. Cơ quan điều tra đã xác định lại hiện trường vụ án và cho Đào Văn T, chị L nhận dạng đối với anh Hoàng Văn Q. Kết quả T và chị L đều nhận dạng được anh Hoàng Văn Q.

Ngày 22/8/2017, Cơ quan điều tra đã thực nghiệm điều tra vụ án. Kết quả, Đào Văn T đã thực hiện lại hành vi như đã khai tại Cơ quan điều tra.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 98/KL-HĐĐG ngày 24/8/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận:

- 01 chiếc điện thoại di động Mobiistar màu đỏ đen, có số Imel: 352201022272627 đã qua sử dụng, có giá trị là 100.000 đồng;

- 01 chiếc ví da màu nâu, loại gấp đôi, nhãn hiệu VIP do Trung Quốc sản xuất, đã qua sử dụng, có giá trị là 15.000 đồng.

Ngày 15/9/2017 chị L đứng ra bồi thường cho anh Hoàng Văn Q số tiền 2.010.000 đồng. Ngày 25/10/2017, Cơ quan điều tra trả lại anh Q những tài sản gồm: 01 chiếc ví da nhãn hiệu VIP do Trung Quốc sản xuất, 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Hoàng Văn Q, 01 điện thoại di động Mobiistar đã qua sử dụng, số tiền 870.000 đồng. Đến nay, anh Q không có yêu cầu bồi thường gì khác và có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt đối với Đào Văn T.

Đối với Trần Thị L có hành vi trộm cắp chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mobiistar nhưng chưa cấu thành tội phạm. Ngày 02/11/2017, Trưởng Công an thành phố B đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính (mức phạt 1.500.000 đồng). Đối với hành vi của chị L sử dụng số tiền do T đưa cho để chi tiêu cá nhân nhưng chị L không biết đó là tài sản do T cướp giật mà có nên hành vi này không vi phạm pháp luật. Ngày 25/10/2017, Cơ quan điều tra đã trả lại chị Trần Thị L số tiền 50.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Đào Văn T đã khai nhận hành vi của mình.

Tại bản cáo trạng số 184/KSĐT ngày 20/11/2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Đào Văn T về tội “*Cướp giật tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 136- Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi như cáo trạng đã truy tố.
- Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- + Tuyên bố bị cáo Đào Văn T phạm tội “*Cướp giật tài sản*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 136; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 60- Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo từ 14 đến 16 tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 28 tháng đến 32 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã S, thành phố B giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, phần trình bày của bị cáo tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tội danh: Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 11/8/2017 tại đoạn đường dân sinh thuộc địa bàn Thôn S, xã S, thành phố B, Đào Văn T đã có hành vi công khai chiếm đoạt lấy giá trị 15.000 đồng, bên trong ví có 01 chứng minh nhân dân và số tiền 2.830.000 đồng của anh Hoàng Văn Q sinh năm 1994 trú tại Thôn C, xã T,

huyện Y, tỉnh Bắc Giang rồi nhanh chóng chạy thoát. Tổng giá trị tài sản T chiếm đoạt của anh Q là 2.845.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội “*Cướp giật tài sản*” được quy định tại khoản 1 Điều 136- Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo theo điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Gây mất trật tự trị an xã hội, bị dư luận quần chúng nhân dân lên án. Do đó cần phải xử lý bị cáo nghiêm bằng pháp luật hình sự nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[2]. Xét về nhân thân của bị cáo thì thấy: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự gì.

[3]. Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên toà hôm nay bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; Bị cáo và gia đình đã bồi thường khắc phục hậu quả cho người bị hại; người bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; mẹ đẻ của bị cáo tham gia thanh niên xung phong và được tặng kỷ niệm chương; bản thân bị cáo có thời gian phục vụ trong quân đội. Xác định đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình được quy định tại điểm b, p khoản 1 và khoản 2- Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[4]. Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại khoản 1 Điều 48- Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[5]. Xét về hình phạt bổ sung: Không cần phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Bị cáo T có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có địa chỉ cư trú rõ ràng. Việc không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù cũng không gây nguy hiểm cho xã hội, không gây ảnh hưởng xấu trong cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Do vậy thấy không cần bắt bị cáo phải cách ly khỏi xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ để giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là anh Hoàng Văn Q đã nhận tiền bồi thường, nay anh Q không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự nên không đặt ra giải quyết.

[8]. Đối với Trần Thị L có hành vi trộm cắp chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mobiistar nhưng chưa cấu thành tội phạm. Ngày 02/11/2017, Trưởng Công an thành phố B đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính (mức phạt 1.500.000 đồng). Đối với hành vi của chị L sử dụng số tiền do T đưa cho để chi tiêu cá nhân nhưng chị L không biết đó là tài sản do T cướp giật mà có nên không xem xét xử lý về hình sự là thỏa đáng.

[9]. Về án phí: Bị cáo T phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1- Tuyên bố bị cáo Đào Văn T phạm tội "*Cướp giật tài sản*".

2- Áp dụng khoản 1 Điều 136, điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Xử phạt bị cáo 01 năm 02 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 năm 04 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã S, thành phố B giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì việc thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69- Luật thi hành án hình sự.

3- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4- Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Bắc Giang.
- VKSND Tp B.
- Công an Tp B.
- CCTHADS Tp B.
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu Hồ sơ, Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Chuyên